

Bản án số: **78/2023/DS-ST**

Ngày 29 tháng 9 năm 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Nguyễn Thi Thi
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chi và ông Nguyễn Văn Cơ
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Chu Thị Phương Thùy - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 09 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2023/TLST-DS ngày 04/8/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2023/QĐXXST-DS ngày 12/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số /2023/TB-TA ngày 22/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1981; Địa chỉ: B Y, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thục K, sinh năm 1993; Địa chỉ: . Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn Thanh S – LS Công ty L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1984; Địa chỉ: K Đ, tổ D phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thục K trình bày:***

Bà Võ Thị Tuyết N kinh doanh ngành nghề mỹ phẩm - gia dụng, bỏ sỉ hàng hoá tại chợ H2, L, Đà Nẵng. Trong quá trình kinh doanh, bà N có các mối quan hệ bạn hàng, làm ăn buôn bán với các tiểu thương trong chợ. Trong đó có vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích T kinh doanh cùng ngành hàng với bà N tại Lô A chợ H2, L, Đà

Năng. Qua nhiều năm mua bán trao đổi, bà N và bà T dần trở nên thân tình như chị em. Nhiều lần bà T có hỏi mượn bà N tiền để lấy hàng và các mục đích cá nhân khác. Vì gặp nhau hàng ngày ở chợ nên bà N tin tưởng cho vợ chồng bà T - ông H mượn tiền để làm ăn, cũng không yêu cầu vợ chồng bà T viết giấy mượn tiền. Và các lần mượn này đến ngày hẹn bà T đều trả đúng như cam kết.

Tháng 5/2020, vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích T có rủ bà Võ Thị Tuyết N chung mua đất, nhưng bà N từ chối do không có nhu cầu.

Đến ngày, 19/5/2020, vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích T – Đoàn Ngọc H1 có mượn bà Võ Thị Tuyết N số tiền **1.500.000.000** đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) với mục đích mua đất. Vì sự uy tín bà T đã tạo dựng thông qua nhiều lần vay mượn và trả tiền trước đó, nên bà N vẫn tin tưởng và cho bà T mượn số tiền trên như mọi lần. Bà N giao tiền mặt cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích T.

Đến ngày 19/7/2020, bà Nguyễn Thị Bích T cùng chồng Đoàn Ngọc H1 có mượn thêm bà N số tiền **1.700.000.000** đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*). Đến ngày 7/9/2020 vợ chồng bà T – ông H1 có trả bà N số tiền 250.000.000 đồng và ngày 11/9/2020 vợ chồng bà T – ông H1 tiếp tục trả bà N thêm 200.000.000 đồng. Cũng như mọi lần bà N tin tưởng bà T nên cả 2 lần vay mượn trên, khi đưa vợ chồng bà T mượn tiền bà N không yêu cầu viết giấy vay mượn tiền. Vợ chồng T hẹn bán được đất sẽ trả tiền cho bà N. Nhưng mãi đến đầu năm 2021 bà T vẫn chưa trả được tiền cho bà N dù nhiều lần bà N đã hỏi, yêu cầu bà T trả tiền.

Vào đầu tháng 03/2021, bà Nguyễn Thị Bích T lấy lí do ảnh hưởng dịch bệnh, làm ăn không ra nên bà T đến gặp bà N để viết giấy nợ đồng thời hẹn nợ với bà N:

- Về khoản tiền **1.500.000.000** đồng vợ chồng bà T đã mượn: đến ngày 17/3/2021, vợ chồng bà T chưa trả được nên bà T có viết giấy xác nhận nợ bà N 1 tỷ 500 triệu đồng. Trên giấy nợ bà T có ghi ngày tháng âm lịch là mùng 5 tháng 2 âm, hẹn đến mùng 5 tháng 3 âm sẽ trả nợ cho bà N. Như vậy theo trên giấy mượn tiền, chậm nhất đến ngày 16/4/2021 (tức mùng 5 tháng 3 âm lịch) bà T phải thực hiện trả nợ cho bà N.

- Về khoản tiền **1.700.000.000** đồng bà T đã mượn và đã trả được 450 triệu đồng: Ngày 11/3/2021 và 29/5/2021 bà T và ông H1 có viết 02 giấy hẹn nợ xác nhận có vay mượn bà N số tiền trên và hẹn đến ngày 7/6/2021 sẽ thanh toán số tiền còn lại là **1.250.000.000** đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*). Nhưng mãi đến tháng 6/2022 vợ chồng bà T – ông H1 thanh toán thêm cho bà N 4 lần số tiền 1.080.000.000 đồng (*một tỷ không trăm tám mươi triệu*). Như vậy số tiền vợ chồng bà T – ông H1 còn nợ lại bà N1 số tiền **170.000.000** đồng.

Trong khoảng thời gian từ 2020 đến nay, bà Nguyễn Thị Bích T cùng chồng Đoàn Ngọc H1 cũng đã nhiều lần mượn thêm bà Võ Thị Tuyết N các số tiền khác nhau ngoài hai khoản tiền nêu trên. Bà N đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện và trực tiếp ra chợ gặp bà T và ông H1 để đòi lại số tiền đã cho vợ chồng bà T mượn nhưng bà T

tiếp tục hứa hẹn và không có phương án trả nợ cho bà N. Mặc dù bà N đã tạo điều kiện, gia hạn thời gian trả nợ nhưng bà T vẫn chây ì, không trả cho bà N bất kỳ khoản tiền nào mà chỉ hứa hẹn nhiều lần. Điều đó đã khiến gia đình bà N mâu thuẫn, do chồng bà N trước đây đã từng phản đối việc bà N cho vợ chồng bà T – ông H1 mượn tiền. Hiện tại, bà N đã ly hôn với chồng. Đồng thời bà N cũng đang trong hoàn cảnh khó khăn, cuộc sống hàng ngày thiếu thốn và nợ ngân hàng không giải quyết được.

Tuy trong giấy mượn tiền chỉ có bà N ký tên nhưng thực tế là vợ chồng bà T – ông H1 cùng mượn tiền để kinh doanh buôn bán đất đai, do đó bà N yêu cầu bà T và ông H1 có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền gốc 1.670.000.000 đồng

Nay, bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Đà Nẵng để yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H1 trả cho bà N số tiền **2.022.191.780 đồng** (hai tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi đồng). Trong đó nợ gốc **1.670.000.000 đồng** và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 21/8/2023 là: **1.500.000.000 đồng * (10%/365) * 857 ngày = 352.181.790 đồng**.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Đoàn Ngọc H1 còn mượn của bà Võ Thị Tuyết N các khoản tiền khác nhưng bà N chưa tổng hợp được nên sẽ yêu cầu khởi kiện trong vụ án khác.

Ngày 31/8/2023 bà Võ Thị Tuyết N đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 170.000.000đ đối với bà T và ông H1. Nay, bà Võ Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả cho bà N số tiền **1.867.808.219 đồng** (Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám triệu hai trăm mười chín đồng). Trong đó nợ gốc **1.500.000.000 đồng** và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 29/9/2023 (lãi suất 10%/năm) là: = **367.808.219 đồng**.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa hôm nay, tại phiên hòa giải vào ngày 31/8/2023 bà T trình bày ý kiến:** Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà T xác nhận có viết nhiều tờ giấy nợ cho bà N: 01 tờ giấy xác nhận có nợ bà N số tiền 1,7 tỷ đồng vào ngày 11/3/2021; 01 tờ giấy vay tiền số tiền 2.670.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 17/3/2021 và 01 tờ giấy vay tiền số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) vào ngày 17/3/2021.

Tuy nhiên đối với giấy vay số tiền 1,7 tỷ đồng bà T cho rằng đã trả được 1.530.000.000đ, hàng tháng từ tháng 8/2022 trả cho bà N mỗi tháng 10 triệu đồng; từ tháng 03/2023 trả cho bà N mỗi tháng 15 triệu đồng.

Ngoài ra bà T đã cầm trù 02 lô ngoài chợ H2 cho bà N giá 1,6 tỷ đồng và hàng hóa của bà T tồn là 01 tỷ đồng. Bà N phải cầm trù ra cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xác định quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết về quan hệ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền với bà Nguyễn Thị Bích T có địa chỉ thường trú tại Tổ I phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện đề nghị TAND quận Liên Chiểu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả lại cho bà Võ Thị Tuyết N số tiền **1.867.808.219 đồng** (*Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám triệu hai trăm mười chín đồng*).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết N cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Một bản chính “Giấy cho vay tiền” được bà N và bà T ký vào ngày 17/3/2021 tại nhà số G Đ, phường H, quận L.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Võ Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Bích T đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia giao dịch, hình thức của giao dịch này cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó giao dịch vay mượn giữa bà N và bà T là hợp pháp theo quy định tại Điều 117 BLDS. Tại “Giấy cho vay tiền” bà T có ghi “*Phương thức thanh toán: 02 âm lịch ngày mùng 5 đến mùng 5 tháng 3 âm lịch (17/3/2021 đến 16/4/2021)... Nếu tôi không trả sẽ chịu trước pháp luật*”. Nhưng sau đó bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình. Việc bà Võ Thị Tuyết N khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích T trả lại cho bà N toàn bộ số tiền **1.867.808.219 đồng** (*Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám triệu hai trăm mười chín đồng*). Trong đó nợ gốc **1.500.000.000 đồng** và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 29/9/2023 (lãi suất 10%/năm) là: = **367.808.219 đồng** là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 280, 288 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng đã cản trừ 02 lô ngoài chợ H2 cho bà N giá 1,6 tỷ đồng và hàng hóa của bà T tồn là 01 tỷ đồng. Bà N phải cản trừ ra cho bà T. Vào ngày 31/8/2023, Tòa án đã ban hành Công văn số 492/TB-TA đề nghị bà Nguyễn Thị Bích T cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ thể hiện việc đã trả một phần nợ và cản trừ các lô hàng tại chợ H2 tuy nhiên đến nay bà T vẫn không thực hiện, cũng không có văn bản trả lời, do đó lời trình bày của bà T không có căn cứ để HĐXX xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Võ Thị Tuyết N được chấp nhận nên bị đơn – bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 274, 275, 280, 375, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết N đối với bà Nguyễn Thị Bích T.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả cho và Võ Thị Tuyết N số tiền **1.867.808.219 đồng** (*Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm lẻ tám triệu hai trăm mười chín đồng*). Trong đó nợ gốc **1.500.000.000 đồng** và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/4/2021 đến ngày 29/9/2023 (lãi suất 10%/năm) là: = **367.808.219 đồng**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.034.247 đồng (Sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi tư ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí 33.585.616đ (Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm mười sáu đồng) và 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo các biên lai thu số 0001064

ngày 03/8/2023 và 0001071 ngày 14/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nguyễn Thi Thi